

RESEARCH ON THE CONTENT REFLECTED IN FOLK SONGS OF QUANG BINH PLACE NAMES

KHẢO CỨU NỘI DUNG PHẢN ÁNH TRONG CA DAO ĐỊA DANH QUẢNG BÌNH

Hoàng Thị Ngọc Bích
Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *Quang Binh folk songs about place names not only contribute to identifying the location of the land but also preserve historical evidence and cultural values of the locality on the path of development. Through the use of village names, mountain names, river names in folk songs about place names, the material and spiritual life of the people here is fully, truthfully, and vividly portrayed. The article analyzes some basic characteristics of Quang Binh folk songs about place names in terms of reflective content, thereby clarifying the unique features of the people and landscapes of this land as well as spreading the strong and lasting vitality of folk literature works.*

Keywords: *Folk songs and place names, Quang Binh, village, history, quality.*

TÓM TẮT: *Ca dao địa danh Quảng Bình không chỉ góp phần nhận diện vị trí của vùng đất mà còn lưu giữ những chứng tích lịch sử, giá trị văn hóa của địa phương trên chặng đường phát triển. Qua việc sử dụng tên làng, tên núi, tên sông trong ca dao địa danh đã khắc họa đầy đủ, chân thực, sinh động đời sống vật chất và tinh thần của người dân nơi đây. Bài viết phân tích một số đặc trưng cơ bản của ca dao địa danh Quảng Bình trên phương diện nội dung phản ánh, từ đó làm rõ những nét riêng về con người và cảnh vật vùng đất này cũng như lan tỏa sức sống mãnh liệt, bền lâu của các tác phẩm văn học dân gian.*

Từ khóa: *Ca dao địa danh, Quảng Bình, làng, lịch sử, phẩm chất.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở vào đoạn cuối của dãy Trường Sơn trùng điệp, Quảng Bình có địa thế lưng tựa vào núi, mặt nhìn ra biển, ở giữa là vùng đồng bằng xanh tốt. Vị thế địa dư đã mang lại cho Quảng Bình những cảnh quan thiên nhiên kỳ thú không phải nơi nào cũng có. Những địa danh Nhật Lệ, Thần Đinh, Trường Sơn, Hoàn Sơn, Hạc Hải, Phong Nha, sông Gianh, sông Loan,... mang về cho miền quê nơi đây những nguồn lợi to lớn, nuôi dưỡng cả cộng đồng dân cư trong suốt hàng nghìn năm lịch sử. Và cũng chính

những địa danh ấy đã tạo nên sự phong phú, đa dạng nhưng cũng rất đặc trưng của văn hóa đồng bằng, văn hóa núi, văn hóa biển tại vùng đất này. Những dấu ấn văn hóa gắn liền với từng địa danh qua hàng thế kỷ đã in đậm trong kho tàng văn học dân gian Quảng Bình, đặc biệt là bộ phận ca dao địa danh.

Ca dao địa danh Quảng Bình là những bài ca dao gắn liền với địa danh cụ thể như tên tỉnh, tên huyện, tên làng xã, tên núi non, tên sông suối,... ở Quảng Bình. Chính vì tồn tại gắn với những địa danh ở Quảng Bình nên ca dao địa danh mang trong mình đặc

***Ghi chú:** Địa danh trong bài được thực hiện theo đơn vị hành chính trước thời điểm sáp nhập tỉnh.

trung tính địa phương rõ nét, phản ánh những nét văn hóa đặc thù của địa phương. Hàng trăm bài ca dao địa danh ở Quảng Bình đã bao quát gần như đầy đủ tên gọi những làng quê nổi tiếng của vùng đất địa linh nhân kiệt. Thông qua đó, bộ phận ca dao địa danh đã phản ánh một cách đầy đủ, chân thực, sinh động đời sống vật chất và tinh thần của người dân Quảng Bình. Do vậy, ngoài những đặc điểm chung của loại thể, ca dao địa danh Quảng Bình mang màu sắc riêng của mảnh đất và con người xứ sở. Trong khuôn khổ của bài báo này, chúng tôi tìm hiểu và phân tích một số đặc trưng cơ bản của ca dao địa danh Quảng Bình trên phương diện nội dung phản ánh nhằm góp phần lan tỏa sức sống mãnh liệt, bền lâu của các tác phẩm văn học dân gian và cốt lõi, chiều sâu khi tìm về các giá trị văn hoá truyền thống của người dân Quảng Bình.

2. NỘI DUNG

2.1. Nguồn tài liệu khảo sát

Kho tàng văn học dân gian Quảng Bình là vốn cổ quý giá được hình thành, phát triển từ bao đời, phản ánh sinh động tâm tư, nguyện vọng và tình cảm của nhân dân. Văn học dân gian Quảng Bình đến nay đã được sưu tầm và phổ biến trên rất nhiều ấn phẩm có giá trị ở trong và ngoài địa phương. Khối lượng các đơn vị tác phẩm dân gian được sưu tầm và phổ biến giúp người đọc có được cái nhìn khái quát về văn học dân gian Quảng Bình mà vẫn không vô đoán, bởi vì ở đó có đầy đủ các thể loại và mỗi thể loại đều có một số lượng đơn vị tác phẩm khá lớn. Cũng như các miền quê khác trong cả nước, vốn văn học dân gian Quảng Bình có đầy đủ ba bộ phận chính của các phương thức phản ánh của văn học dân gian nói chung bao gồm:

- Các thể loại tự sự (*truyện thuyết, cổ*

tích, truyện cười, giai thoại, vè)

- Các thể loại suy lý (*tục ngữ, câu đố*)

- Các thể loại trữ tình (*ca dao, hò đối đáp, đồng dao*)

Để khảo cứu những nội dung phản ánh trong ca dao địa danh Quảng Bình, bài viết dựa vào ba công trình sưu tầm văn học dân gian Quảng Bình:

- Tài liệu *Văn học dân gian Quảng Bình* (tác giả Trần Hùng chủ biên, nhà xuất bản Văn hóa) sưu tầm 729 bài ca dao, trong đó có 102 bài ca dao địa danh.

- Tài liệu *Tuyển tập ca dao - tục ngữ* (tác giả Đỗ Duy Văn, nhà xuất bản Nghệ An) sưu tầm 1.300 bài ca dao, trong đó có 109 bài ca dao địa danh.

- Tài liệu *Văn hóa dân gian Quảng Bình - Tập 4: Văn học dân gian* (tác giả Nguyễn Tú, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội) sưu tầm 101 bài ca dao, trong đó có 52 bài ca dao địa danh.

Những công trình trên đã sưu tầm một số lượng lớn thể loại ca dao với tổng số bài là 2.130 bài (loại trừ những bài trùng lặp còn 1.702), trong đó có 263 bài ca dao địa danh. Trên cơ sở rà soát, đối chiếu và loại bỏ những bài trùng lặp giữa các tài liệu trên thì số lượng ca dao địa danh chúng tôi nghiên cứu trong bài viết là 206 bài.

2.2. Cách dùng tên riêng chỉ địa điểm trong ca dao địa danh

Trong 1.702 bài ca dao Quảng Bình, số bài sử dụng tên riêng chỉ địa điểm chiếm hơn 12%. Trong 206 bài ca dao chỉ địa điểm, số lần địa danh xuất hiện là 322. Những tên riêng này gồm ba loại:

Thứ nhất, tên các đơn vị hành chính: làng, xã, huyện, tỉnh. Từ tên tỉnh Quảng Bình, tên các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh, Bố Trạch, Quảng Trạch, Minh Hóa, Tuyên Hóa đến tên các làng xã Phú Xá, Văn La,

Trung Bính, Mỹ Hòa, Pháp Kệ, Lê Sơn, An Thái, Thổ Ngọa, Thượng Phong, Cổ Liễu, Hà Cộ, Hoàng Cương, Trung Bính, Quảng Phương, Thanh Lạng, Lê Hóa, Cảnh Dương,... và tên các làng cổ Kê Trọng, Kê Cát, Kê Mau, Kê Đăng, Kê Hoàng, Kê La, Kê Sen, Kê Tấn, Kê Mơ, Kê Diện,... đều xuất hiện trong ca dao địa danh.

Thứ hai, tên những nơi người dân thường đến lao động và những địa điểm phục vụ giao thông: sông, biển, núi, rừng, hang, đèo, cầu, đường,... như bến Hói, sông Gianh, cầu Roòn, sông Loan, núi Phượng, trũng Lê Đệ, núi Đầu Mâu, rú Trền, thác Đài, đèo Mụ Dạ, động Phong Nha, đèo Ngang, đường Tuyên Hóa, hang Minh Cầm, động Đầu Voi, cồn Đầu Voi, bến Tiên Lang, rú Ngựa, sông lạch Ròn, lạch Lũy Thầy, bến Tắt, phá Hạc Hải, núi Hoành Sơn, hòn lèn Khum, đường Đá Nhảy, rừng Ba Rền, đò Chuồn, nước Trường Sơn, nước nguồn Sơn, cửa Nhật Lệ, núi Mâu Sơn, núi Thần Đình, Hòn Hiền, Vũng Chùa,...

Thứ ba, tên những địa điểm thực hiện sinh hoạt xã hội và những địa điểm thực hiện sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng: chợ, quán, chùa, đình,... như chợ Ba Đồn, chợ Tréo, chợ Sặt, quán mụ Ò, chợ Dinh Xuân, chợ Cuồi, chợ Ông, chợ Còi, chợ Đa, đình Quảng Long, chợ Côộc, chợ Quán Hàu, chùa Non Nước,...

Trong số ba loại đã nêu, loại tên chỉ các đơn vị hành chính xuất hiện nhiều nhất với 129 lần, chiếm 63% số bài ca dao địa danh. Ở hai loại tên riêng còn lại thì tên sông, núi, chợ xuất hiện nhiều hơn cả, trong đó: tên sông 41 lần, tên núi: 32 lần, tên chợ 27 lần.

Có những bài ca dao đề cập địa danh ngoài vùng đất Quảng Bình như Hà Tĩnh, Đông Hà, mũi Né, Lào,... nhưng số lượng không nhiều. Những địa danh này thường

để phản ánh cuộc sống mưu sinh của người dân Quảng Bình.

2.3. Nội dung phản ánh của những bài ca dao địa danh

2.3.1. Phản ánh điều kiện tự nhiên, danh thắng và sản vật

Phản ánh điều kiện tự nhiên, ca ngợi danh thắng và sản vật địa phương là chủ đề phổ biến nhất trong ca dao địa danh Quảng Bình. Qua thống kê 206 bài ca dao địa danh, có 85 bài (chiếm 41%) được sáng tác và lưu truyền với chủ đề này.

Có thể nói, mỗi vùng miền đều có những đặc trưng riêng về điều kiện tự nhiên, về cảnh vật, nhất là các sản vật, làng nghề. Mảnh đất Quảng Bình từ thuở khai sinh lập địa đã chứa không ít những gập ghềnh của địa hình và những bấp bênh của thời tiết. Ở Quảng Bình khi nói về việc cách trở, khó khăn về mặt không gian, nhân dân nơi đây thường dùng hình ảnh “truông”. Theo từ điển: “Truông là vùng đất hoang, có nhiều cây cỏ” [7]. Truông là một nơi khó qua lại và là một đặc điểm địa chất của vùng đất này: “Quảng Bình đẹp nhất quê ta/ Mấy truông cũng vượt, mấy xa cũng gần” [3, tr.354]; “Eo truông cách trở khó qua/ Tam Đa là một, Đại Hòa là hai” [3, tr.351].

Tuy địa hình nhiều hiểm trở nhưng nơi đây đã được tạo hóa ban cho những cảnh đẹp làm say lòng người. Nhiều bài ca dao giới thiệu danh thắng Quảng Bình và ca ngợi cảnh đẹp mà những địa danh đã đi vào tâm thức của người dân từ xưa đến nay: “Làng ta phong cảnh hữu tình/ Trường Sa cổ lũy huyết hình là đây” [5, tr.39]; “Quảng Bình có động Phong Nha/ Có đèo Mụ Dạ có phà sông Gianh” [3, tr.354]; “Dòng Nhật Lệ nước còn trong vắt/ Đình Thần Đình cỏ mọc xanh tươi/ Khí thiêng vun đúc nên người/ Trai hùng gái đảm nổi đời nước non”

[6, tr.198]; “Cảnh Dương, Cửa Cẩm lạch nhà/ Ghe thuyền buôn bán xinh đà quá xinh” [6, tr.194]; “Lạch Ròn sóng vỗ chan hòa/ Ghe thuyền tấp nập đậm đà tình quê” [6, tr.199]; “Sông Loan, núi Phụng hữu tình/ Đất chung, khí tốt mới sinh người hiền” [6, tr.195].

Tiêu biểu và chiếm số lượng nhiều nhất là những bài phản ánh về các sản vật, làng nghề nổi tiếng trong quá khứ và được phát triển trong cả hiện nay. Những nơi có nghề hay, thợ khéo, có đặc sản, phong tục, nếp sống đẹp,... đều được người dân ca ngợi: “Ba Đồn là chợ xưa nay/ Tự nhân, tự hóa mười ngày một phiên” [5, tr.36]; “Lệ Thủy gạo trắng nước trong/ Ai về Lệ Thủy thong dong con người” [3, tr.353]; “Ai về Võ Xá thì về/ Khoai trên, môn dưới, lúa kê một bên” [3, tr.347]; “Ai ơi chớ phụ Cồn Hàu/ Làm cho Hai Huyện đã giàu lại sang” [347]; “Ai lên Tuyên Hóa quê mình/ Chè xanh mật ngọt thấm tình nước non” [6, tr.191]; “Ăn cơm muối ruốc/ Hút thuốc giấy Tuy/ Tỏi Phú Kỳ, nón Thổ Ngọ/ Áo khách qua, vải Nhà Ngo/ Cơm trong mo, nước trong bầu” [3, tr.348]; “Nhiều làng theo việc tầm dâu/ Làm tơ Hoàn Lão, dệt thao Khương Hà/ Võ Xá cũng dệt lụa là/ Quán Hàu hàng tiện bán ra xứ người” [6, tr.202]; “Phú Xá nổi tiếng đưa hồng/ Cổ Hiền cam mật, nhãn lồng Văn La” [3, tr.202]; “Thơm ngon nước mắm Cảnh Dương/ Có tôm miền biển cùng nguồn lợi to” [3, tr.355]. Những bài ca dao đã khẳng định không chỉ đất Quảng Bình giàu có, đa dạng về sản vật, điều kiện tự nhiên mà người Quảng Bình cũng không kém phần tự hào, trân trọng và hãnh diện về truyền thống quê hương mình.

Thông qua những bài ca dao địa danh đã phác họa bức tranh đầy màu sắc về tự nhiên, thắng cảnh và sản vật của vùng đất

Quảng Bình. Đúng như lời nhận định của tác giả Dương Văn An: “Có trời đất này mới có núi sông này, và nhân vật này. Vì từ khi trời đất hình thành mới có núi sông xuất hiện. Núi sông ổn định thì nhân vật sinh. Nếu không có núi sông thì lấy gì để thấy rõ công tạo lập của trời đất. Nếu không có nhân vật thì lấy gì để thấy rõ khí hun đúc tốt đẹp của núi sông” [1, tr.17].

2.3.2. *Phản ánh tình yêu đôi lứa*

Ở những bài ca dao địa danh, phản ánh tình yêu nam nữ là chủ đề phổ biến thứ hai. Qua thống kê 206 bài ca dao địa danh Quảng Bình, có 56 bài (chiếm 27%) được sáng tác và lưu truyền với chủ đề này.

Đời sống gắn liền với hoạt động nông nghiệp nên điều kiện để tình yêu nảy nở cũng gắn liền với những hình ảnh thân thuộc ở thôn quê. Những khung cảnh bình dị của làng quê với ruộng đồng, với những bến sông con đò qua lại, với những đêm trăng thanh gió mát,... tất cả hình ảnh đẹp đó đã gợi nên những vần thơ trao hỏi ý tình giữa trai gái trong làng: “Nói gần nói xa chẳng qua nói thiệt/ Trai gái hai làng thắm thiết từ lâu/ Bắp tươi Hà Cạn, lúa tốt ruộng sâu/ Nhớ đêm trăng thanh gió mát trao câu ân tình” [3, tr.431]; “Cách một con đò câu hò vọng lại/ Trai gái hai làng vạ ngãi tình chung/ Nào ai xa ngái lạ lòng/ Thượng Phong, Cổ Liễu, cùng chung một nhà” [5, tr.40].

Trong tình yêu, các chàng trai cô gái thường lấy những địa danh gần gũi, thơ mộng của vùng quê để ví von, khẳng định lời thề ước và thể hiện lòng quyết tâm mạnh mẽ của mình: “Răng chừ cạn lạch Lũy Thầy/ Sông Gianh hết nác, rạ này mới hết thương” [5, tr.25]; “Răng chừ rú Ngựa hết cây/ Sông Loan hết nác, tình này mới thôi” [5, tr.25]; “Bao giờ rau câu có lá, hòn đá nổi

lắc lư/ Sông lạch Ròn kia có cạm, qua mới từ nghĩa em” [3, tr.360]; “Lấy nhau cho trọn đạo Trời/ Nát chùa Non Nước mới rời nhau ra” [6, tr.200]. Lời thề nguyện ấy nhằm bày tỏ ý chí của hai bên để vượt qua chông gai, thử thách, hướng đến lý tưởng cùng đang theo đuổi. Các địa danh nổi tiếng của vùng đất Quảng Bình như: Lũy Thầy, Hoành Sơn, Hạc Hải, sông Gianh, Sông Loan, chùa Non Nước,... đã đi vào ca dao trữ tình một cách tự nhiên, ngầm chứa sự khẳng định mạnh mẽ tình yêu bền vững, thủy chung son sắt. “Lấy những hình ảnh này làm biểu tượng cho lời thề ước, các chàng trai cô gái đã lồng vào đó tình yêu nam nữ và tình yêu quê hương đất nước. Như một lời nhắn nhủ rằng: núi sông, cảnh vật này tồn tại thì tình cảm tha thiết ấy sẽ mãi vững bền” [2, tr.14].

Trong tình yêu đôi lứa, người Quảng Bình đặc biệt quan tâm đến lễ nghĩa, quý trọng nền nếp gia phong, luôn tôn trọng ý kiến của cha mẹ và hạnh phúc khi được chấp thuận: “Trông Nhà Hồ muốn vô cũng khó/ Động An Mã muốn ngó cũng xa/ Muốn cho trên thuận dưới hòa/ Song thân ưng ý cho ta gặp miêng” [6, tr.206].

Nhiều địa danh cũng chính là nơi để bày tỏ nỗi niềm tiếc nuối, day dứt xen lẫn trách móc của chàng trai vì tình duyên không thành: “Bờ Xuân Bò càng cao càng lở/ Đò Hà Cạn càng chờ càng đông/ Ai nói với anh em chưa có chồng/ Uổng công anh vượt phá băng đồng tìm em” [3, tr.360]. Còn đây là lời bày tỏ thẳng thắn, bộc trực của cô gái: “Núi Mâu Sơn thán ngày đá nháy/ Sông Nhật Lệ nước chảy menh mông/ Anh có thương em phân lại cho rõ lòng/ Kéo em đã chờ đợi mấy thu đông ni rồi” [6, tr.202].

Bài ca dao dưới đây đề cập đến những

sự thay đổi của thiên nhiên: “trước tròn sau méo”, “nắng đục mưa trong” để liên tưởng đến tình yêu, đến cảnh ngộ trở trêu dù “đẹp duyên” nhưng “tơ hồng không xe”: “Hòn lèn Khum trước tròn sau méo/ Dòng sông Gianh nắng đục mưa trong/ Đôi ta như chỉ lộn vòng/ Đẹp duyên có đẹp, tơ hồng không xe” [3, tr.373].

Những cung bậc tình cảm về tình yêu đôi lứa của ca dao địa danh Quảng Bình rất phong phú, mang một nét riêng, chân thành mộc mạc như hương đồng cỏ nội, gần gũi với tình cảm và con người xứ sở.

2.3.3. *Phản ánh các giá trị lịch sử*

Ca dao địa danh Quảng Bình không chỉ là một hiện tượng ngôn ngữ mà còn có ý nghĩa lịch sử gắn với quá trình mở cõi của cha ông.

Nhiều bài ca dao địa danh phản ánh lịch sử làng xã ở vùng đất này. “Qua điều tra, nghiên cứu phả hệ của một số dòng họ để lại đã cho thấy việc di dân lập ấp dưới thời Hồng Đức (Lê Thánh Tông) đầu tiên là tập trung hai bên bờ sông Gianh. Phía Nam đèo Ngang dọc đường thiên lý đã có nhiều cư dân phía Bắc vào khai canh lập nên những làng mang đơn vị địa danh là *kẻ, cổ*... Phía Nam sông Gianh, trên địa bàn Nam Bố Chính có các làng kẻ Bàng, kẻ Bò, kẻ Chao, kẻ Đồi, kẻ Đồng, kẻ Gõ, kẻ Hạc,...” [4, tr.239]. “Điều đó nói lên, ngay từ buổi xa xưa những dấu ấn của đơn vị cư trú người Việt cổ còn đọng lại ở đây một cách đậm nét và lâu bền so với những vùng khác của đất nước” [8]. Những tên làng có tên *kẻ* đã đi vào ca dao địa danh và ngày nay mỗi lần đọc lên như nghe được âm vang cuộc sống thuở xưa vọng lại: “Ai lên Kẻ Diện, Kẻ Tràn/ Để anh lên Côộc cho nàng lên theo” [6, tr.195]; “Em là con gái Kẻ Đăng/ Bên Tề, bên Sở biết rằng theo ai” [3, tr.351];

“Đồn rằng Kẻ Trọng lắm cau/ Kẻ Cát lắm ló, Kẻ Mau lắm tiền” [6, tr.196]; “Người về nhớ trống Kẻ Sen/ Nhớ chuông Kẻ Hạc, nhớ kèn Thiệu Yên” [3, tr.353].

Ca dao địa danh đã phản ánh lịch sử trị vì của vương Quốc Chăm-pa trên mảnh đất Quảng Bình. Những hệ thống thành lũy là minh chứng rõ ràng nhất, đặc biệt là lũy Hoàn Vương: “Quảng Trạch có lũy Hoàn Vương/ Kinh đô Lâm Ấp, Trị Bình ngày xưa” [3, tr.354]. Theo khảo sát, lũy cũ Hoàn Vương dài khoảng 7-10km, từ khu vực Phù Lưu, Trung Thuần (xã Quảng Lưu) ra vùng Quảng Tiến cho đến xã Quảng Châu ngày nay. “Tuy thời kỳ thịnh trị của Hoàn Vương kéo dài không lâu và để lại rất ít tư liệu về giai đoạn lịch sử này nhưng sự hiện diện của hệ thống chiến lũy mang tên *Lũy cũ Hoàn Vương* đã cho thấy dấu ấn lịch sử không chỉ để lại trên phương diện vật chất là một chiến lũy mà còn là dấu ấn văn hóa trong tên gọi gắn liền với một giai đoạn lịch sử Champa trên đất Quảng Bình xưa” [4, tr.105].

Trong bối cảnh cuộc chiến Trịnh Nguyễn phân tranh diễn ra vào thế kỷ XVII, sông Gianh trở thành giới tuyến phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài. Ca dao đã nhắc đến hệ thống thành lũy mà đi qua nơi đây như thử thách lòng dũng cảm, trí thông minh của con người: “Lũy Thầy ai đắp mà cao/ Sông Gianh ai bới ai đào mà sâu” [3, tr.353]; “Khôn ngoan qua cửa Thanh Hà/ Đố ai có cánh bay qua Lũy Thầy” [3, tr.352]. Cửa Thanh Hà là cửa sông Gianh, Lũy Thầy là thành lũy do thiên tài quân sự Đào Duy Từ chỉ huy xây dựng ở Đồng Hới để phòng thủ, ngăn chặn hướng tiến công của quân Đàng Ngoài: “Thứ nhất thì sợ Lũy Thầy/ Thứ nhì sợ lũy Võ Xá” [3, tr.355]. Ca dao đã phản ánh hoàn cảnh của người dân

khi cuộc nội chiến diễn ra: “Ba Đồn bán đất cau khô/ Chị em con gái chạy vô thăm chồng/ Gặp trời mưa đông, đường trơn gánh nặng/ Mặt trời đã lặn, đèo Ngang chưa trèo/ Gặp hòn đá cheo leo/ Chân trèo chân trượt/ Gặp đôi o gánh nước/ Gặp đôi chú chăn trâu/ Hỏi thăm đồn quân lính đóng đâu?” [3, tr.417].

Qua những bài ca dao trên cho thấy cùng với những đặc trưng về tự nhiên, danh thắng, sản vật, văn hóa mà các giá trị lịch sử, xã hội Quảng Bình trong nhiều thời kỳ cũng được ca dao địa danh phản ánh một cách cụ thể và chân thực.

2.3.4. Phản ánh phẩm chất người Quảng Bình

Điều kiện địa lý và môi trường tự nhiên đóng vai trò quan trọng để hình thành nên phẩm chất con người Quảng Bình. Môi trường khắc nghiệt rèn luyện cho con người đức tính lao động cần cù, chăm chỉ, chịu đựng gian khổ: “Thương chi đồng nổi thương con/ Nhớ chi đồng nhớ nước non quê nhà/ Trai làng Dương như rương nhà nghèo/ Suốt ngày trên đồng trên đèo/ Suốt ngày chặt củi nuôi heo, nuôi người” [3, tr.355]; “Sông Gianh khúc lở khúc bồi/ Khổ như anh mãi lần hồi cũng qua” [6, tr.204]. Dù cuộc sống khó khăn nhưng tình yêu lao động, dẫu là một thứ lao động cổ truyền vất vả từ sáng đến chiều vẫn luôn thường trực trong họ.

Những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Quảng Bình được thể hiện sâu sắc trong ca dao địa danh. Thông qua cuộc sống lao động đã làm nổi bật đức tính chịu thương chịu khó, cần cù, chăm chỉ: “Nước cạn thì thiếp xuống Hà mò cua bắt cá/ Nước nậy thì thiếp lên rừng hái rau má rau mừng/ Đắng cay chua ngọt đã từng/ Chàng ăn thiếp nhịn xin đừng bỏ nhau” [6, tr.203];

“Dạ ái hoài cho dù xa gái/ Em xin chàng
chớ ngại đừng nghi/ Để em lên Đới xuống
Tuy/ Đất làm thuê, ế làm mướn đỡ khi đói
lòng” [3, tr.420]; “Em là con gái Kẻ Mơ/
Em đi bán rượu tình cờ gặp anh/ Rượu ngon
chẳng quản be sành/ Áo rách khéo vá hơn
lành vụng may/ Rượu lạt uống lắm cũng
say/ Áo rách có mụn, vá may lại lành” [3,
tr.368].

Trọng tình cảm là một nét phẩm chất
đáng quý của con người vùng đất này: “Cổ
Hiền trên bến dưới sông/ Mẹ thương chàng
rẻ một lòng thủy chung” [5, tr.42]; “Cổ
Hiền cam mật chuỗi tiêu/ Mẹ thương rẻ
nghèo, mẹ quý nghĩa nhân” [3, tr.194].

Sự hùng vĩ của núi rừng, sự bao la của
biển cả tạo cho con người khí chất khẳng
khái, mạnh mẽ: “Đôi ta cân sức cân tài/
Sánh to Hạc Hải, sánh dài Hoành Sơn” [5,
tr.40]. Bên cạnh đó, thành tích học hành
khoa cử của người Quảng Bình đã làm rạng
rỡ truyền thống hiếu học của người dân nơi
đây. Lịch sử khoa cử triều Nguyễn đã tuyển
chọn được hàng trăm nhân tài người Quảng
Bình tham gia hoạt động triều chính, xây
dựng đất nước. La Hà (thuộc xã Quảng
Vân) là làng nằm trong “bát danh hương”
nổi tiếng về truyền thống khoa cử, có nhiều
người đỗ đạt làm quan to trong các triều đại
phong kiến: “Bao giờ hết cát Mỹ Hòa/ Sông
Gianh hết nước, La Hà hết quan” [3, tr.348].

Một nét đẹp tâm hồn người dân từ xưa
đến nay là luôn yêu thương, hiếu kính và
biết ơn đáng sinh thành. Nếu như trong ca
dao phổ thông lấy “núi Thái Sơn” và “nước
trong nguồn” để khẳng định công lao của
cha mẹ thì người Quảng Bình lại dùng
những địa danh thân thuộc của quê hương
để bày tỏ: “Công cha như núi Trường Sơn/
Nghĩa mẹ như nước nguồn Sơn chảy về” [3,
tr.419]. Công lao và tình thương của cha mẹ

vốn là những khái niệm trừu tượng không
có hình dáng cụ thể đã được hình dung bằng
những hình ảnh kỳ vĩ của thiên nhiên nơi
đây.

Người dân đồng thời cũng không quên
gửi gắm lòng biết ơn đối với “Mẹ thiên
nhiên” - nơi đã che chở và cung cấp nguồn
sống cho họ: “Hòn Hiền là mẹ là cha/ Ai
ngang qua đó cũng là bình yên” [6, tr.199].
Bờ biển Quảng Bình có một hệ thống rạn
ngầm mà ngư dân gọi là hòn Hiền, là nơi
cung cấp nhiều nguồn lợi hải sản, mang lại
cho ngư dân nhiều may mắn trong đánh bắt
và “sở dĩ người ta đặt tên như vậy (Hòn
Hiền) bởi là vì nó có lòng thương đối với
những người đi biển” [4, tr.316].

Ca dao địa danh cũng phản ánh tình
yêu và sự gắn bó, nhớ thương quê hương,
cảnh vật của người dân: “Ra về lại nhớ Đèo
Ngang/ Nhớ đường Tuyên Hóa, nhớ hang
Minh Cầm” [5, tr.39]; “Ra về lại nhớ chợ
Cuối/ Nhớ làng Thanh Thủy, nhớ người Lệ
Sơn” [5, tr.40]; “Ai về Động Hải gửi lời/
Gửi năm phần nhớ, gửi mười phần thương”
[3, tr.357]; “Câu Roòn bốn nhịp năm vòm/
Ai xa Quảng Trạch vẫn còn trông lui” [3,
tr.349]. Quê hương xứ sở là một điều thiêng
liêng đã thấm sâu tận trong huyết quản của
người dân. Dù ai đi xa bao lâu thì chốn quê
hương vẫn là nơi yên bình nhất để tìm về.

3. KẾT LUẬN

Vùng đất Quảng Bình sở hữu những
đặc điểm điều kiện tự nhiên, thiên nhiên đa
dạng, có bề dày lịch sử văn hóa lâu đời, nuôi
dưỡng tâm hồn, cốt cách con người và sắc
thái văn hóa của cộng đồng dân cư.

Văn học dân gian Quảng Bình, trong
đó có bộ phận ca dao địa danh đã phản ánh
đậm nét và sâu sắc các mặt tự nhiên, xã hội
của vùng đất, con người ở đây bằng hình
thức thể hiện chân chất, giản dị, trong sáng,

gần gũi với đời sống hằng ngày. Đằng sau lớp ngôn từ địa phương, đằng sau những vần thơ trữ tình ấy là tính cách thuần phác, hồn hậu, mộc mạc, dung dị và thẳng thắn của con người nơi đây.

Ca dao địa danh không chỉ ca ngợi thắng cảnh, sản vật của địa phương mà đã làm nổi bật những phẩm chất đáng quý của người Quảng Bình. Đó là những con người không sợ sóng to gió lớn, không ngại thời

tiết khắc nghiệt, luôn biết cách vượt lên nghịch cảnh không chỉ để sinh tồn mà còn làm rạng danh xứ sở, đất nước. Đó cũng là những con người có cốt cách cứng rắn, khảng khái, thật thà, có bề dày truyền thống hiếu học. Vì vậy, ca dao địa danh Quảng Bình là nguồn tư liệu vô cùng quý báu khi tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử, văn hóa và con người ở vùng đất này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc hiệu đính, dịch chú, NXB Thuận Hóa, 2001.
- [2] Hoàng Thị Ngọc Bích (2015), *Một số đặc điểm trong ca dao về tình yêu đôi lứa Quảng Bình*, Tạp chí Văn hóa Quảng Bình.
- [3] Trần Hùng (chủ biên) (1996), *Văn học dân gian Quảng Bình*, NXB Văn hóa.
- [4] Nguyễn Khắc Thái (2014), *Lịch sử Quảng Bình*, NXB Chính trị - Hành chính.
- [5] Nguyễn Tú (2010), *Văn hóa dân gian Quảng Bình, Tập IV: Văn học dân gian*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Đỗ Duy Văn (2017), *Tuyển tập ca dao - tục ngữ*, NXB Nghệ An.
- [7] <https://vtudien.com/>
- [8] <https://skhcn.quangbinh.gov.vn/>

Lời cảm ơn: Bài báo là sản phẩm của đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở Trường Đại học Quảng Bình năm học 2023-2024 mã số CS.05.2024.

Liên hệ:

ThS. Hoàng Thị Ngọc Bích

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Quảng Bình

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, phường Đồng Thuận, tỉnh Quảng Trị

Email:hoangngocbichqb@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/10/2024

Ngày gửi phản biện: 02/10/2024

Ngày duyệt đăng: 15/3/2026